

**BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II KHUYẾN CÁO CÁC NHÀ ĐẦU
TƯ NÊN ĐỌC KỸ CÁC THÔNG TIN TRONG TÀI LIỆU NÀY VÀ
QUY CHẾ ĐẤU GIÁ TRƯỚC KHI ĐĂNG KÝ THAM DỰ ĐẤU GIÁ**

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN LẦN ĐẦU RA BÊN NGOÀI CỦA
ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II**

*(Theo Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 111/2020/TT-BTC ngày 29/12/2020
về Hướng dẫn một số nội dung về xử lý tài chính, xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công
lập, bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ chuyển đổi đơn vị sự nghiệp
công lập thành công ty cổ phần)*

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI

ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II

Địa chỉ: Khu Lục Cả, xã Kim Bôi, Tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 02183 871131

Fax: 02183 871131

BAN CHỈ ĐẠO CHUYỂN ĐỔI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH PHÚ THỌ

Địa chỉ: Số 3, đường Trần Phú, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Điện thoại: 0210.3846.284

Phú Thọ tháng 07 năm 2025

Mục lục

1. TÊN, ĐỊA CHỈ, CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI:	3
2. LĨNH VỰC, NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG:	4
2.1 Lĩnh vực hoạt động	4
2.2 Ngành nghề hoạt động:	4
3. SẢN PHẨM VÀ DỊCH VỤ CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP:	4
4. TỔNG SỐ LAO ĐỘNG TIẾP TỤC CHUYỂN SANG CÔNG TY CỔ PHẦN:	4
6. TÀI SẢN CHỦ YẾU CỦA ĐƠN VỊ:	8
6.1 Tình hình đất đai:	8
6.2 Tình hình tài sản của Đơn vị:	17
7. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH QUA CÁC NĂM TRƯỚC KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CTCP CỦA ĐƠN VỊ :	18
7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh:	18
7.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi chuyển đổi:	21
7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị	23
8. VỊ THẾ CỦA ĐƠN VỊ SO VỚI CÁC ĐƠN VỊ KHÁC TRONG CÙNG NGÀNH	24
9. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA ĐƠN VỊ SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN:	25
10. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN ĐIỀU LỆ CỦA ĐƠN VỊ SAU KHI CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN:	26
11. RỦI RO DỰ KIẾN:	28
12. PHƯƠNG THỨC BÁN VÀ THANH TOÁN TIỀN MUA CỔ PHẦN:	29
13. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU TỪ THU ĐƯỢC TỪ VIỆC BÁN CỔ PHẦN	33
14. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG CÁC THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI:	34

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Giá trị đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm 31/12/2023	5
Bảng 2: Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Đơn vị tại thời điểm 31/12/2023	8
Bảng 3: Diện tích đất giữ lại sử dụng sau khi chuyển đổi thành CTCP.....	13
Bảng 4: Diện tích đất trả lại địa phương	13
Bảng 5: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2023	17
Bảng 6: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2022-2024	19
Bảng 7: Tỷ trọng chi phí của Đơn vị giai đoạn 2022 – 2024	20
Bảng 8: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022 – 2024	21
Bảng 9: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau khi chuyển thành CTCP	25
Bảng 10: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau khi chuyển đổi	27
Bảng 11: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần.....	33

THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI THÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN

1. Tên, địa chỉ, của đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

- Tên tiếng Việt : **ĐOẠN QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ II**
- Trụ sở chính : Xóm Lục Cả, xã Kim Bôi, Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại : 02183 871131
- Fax : 02183 871131
- Mã số thuế : 5400140917

- Quá trình hình thành phát triển

Đoạn Quản lý đường bộ II, tiền thân là Đoạn Bảo dưỡng Đường bộ II trực thuộc Ty Giao thông vận tải tỉnh Hòa Bình, thành lập theo Quyết định số 2726/QĐ-TC ngày 08/11/1974 của Bộ Giao thông vận tải và thực hiện chức năng nhiệm vụ duy tu bảo dưỡng hệ thống Quốc lộ Trường Sơn A.

Năm 1984, Đoạn được đổi tên thành Xí nghiệp Quản lý và Sửa chữa cầu đường bộ II theo Quyết định số 719/ QĐ-UB ngày 13/12/1984 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình. Đến năm 1992 được chuyển thành Đoạn Quản lý Đường bộ II theo Quyết định số 575/QĐ-UB ngày 18/12/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc chuyển các xí nghiệp Đường bộ thành các Đoạn Quản lý Đường bộ trực thuộc Sở Giao thông vận tải (nay là Sở Xây dựng) tỉnh.

- Trong những năm qua, hoạt động sản xuất của đơn vị luôn phát triển, giá trị sản lượng và doanh thu năm sau cao hơn năm trước, tạo đủ việc làm cho người lao động, đời sống CBCNV ngày một nâng cao, các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ và mỹ thuật tạo được lòng tin cho chủ đầu tư và khách hàng.

• Chức năng

- Quản lý, duy tu và sửa chữa thường xuyên 106,2Km đường, cầu, cống các loại thuộc địa bàn tỉnh Hòa Bình;
- Đảm bảo giao thông liên tục, thông suốt, trật tự, an toàn trong mọi tình huống, với năng suất, chất lượng, hiệu quả cao trên mọi tuyến đường thuộc quản lý của đơn vị;
- Tham mưu cho lãnh đạo các cấp và đề ra biện pháp nhằm tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước trên lĩnh vực quản lý, duy tu và sửa chữa đường bộ.

• Nhiệm vụ và quyền hạn

- Tổ chức tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn vốn ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác đầu tư cho công tác quản lý duy tu, sửa chữa các công trình giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh khi được giao.

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, bảo đảm giao thông các tuyến đường bộ đơn vị được giao quản lý; sửa chữa vừa, xây dựng cơ bản công trình giao thông có quy mô vừa, không yêu cầu cao về kỹ thuật; thực hiện cung cấp các dịch vụ khác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ khi được sự cho phép của Ủy ban nhân

dân tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương, các đoàn thể và cơ quan thông tin đại chúng trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ các công trình giao thông và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

- Tham gia công tác kiểm tra, kiểm định, nghiệm thu chất lượng các công trình giao thông, đồng thời tổ chức tiếp nhận quản lý và khai thác công trình giao thông khi được ủy quyền.

- Quản lý bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản của đơn vị theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Giao thông Vận tải (nay là Sở xây dựng) giao và theo quy định của pháp luật hiện hành.

• **Địa bàn hoạt động**

Đơn vị thực hiện quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên, đảm bảo giao thông trên các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ, đường đô thị trên địa bàn tỉnh Hòa Bình (Nay là tỉnh Phú Thọ).

2. Lĩnh vực, ngành nghề hoạt động:

2.1 Lĩnh vực hoạt động

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình giao thông đường bộ

2.2 Ngành nghề hoạt động:

- Thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình giao thông đường bộ; sửa chữa vừa, xây dựng cơ bản công trình giao thông có quy mô vừa, không yêu cầu cao về kỹ thuật.

3. Sản phẩm và dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập:

- Duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình giao thông đường bộ

4. Tổng số lao động tiếp tục chuyển sang công ty cổ phần:

Số lượng lao động tiếp tục làm việc sau khi chuyển đổi Đoàn Quản lý đường bộ II thành Công ty cổ phần là 27 lao động cụ thể như sau:

TT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
	Phân loại theo trình độ	27	100
1	Trên Đại học	0	0
2	Đại học, Cao đẳng	08	29
3	Sơ cấp, Trung cấp	01	5
4	Lao động phổ thông đã được đào tạo qua các trường công nhân kỹ thuật, dạy nghề	18	66
5	Số lao động chưa qua đào tạo	0	0

(Nguồn: Đoàn Quản lý đường bộ II)

5. Giá trị đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm 31/12/2023:

Căn cứ Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp; giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Đoàn Quản lý đường bộ II thời điểm 01/01/2023, như sau:

Giá trị thực tế đơn vị sự nghiệp công lập: **3.880.405.117 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm tám mươi triệu, bốn trăm linh lăm ngàn, một trăm mười bảy đồng)

Trong đó:

- Nợ thực tế phải trả: 1.456.563.012 đồng.
- Các khoản nhận trước chưa ghi thu: 336.384.698 đồng.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 76.781.742 đồng.
- Quỹ bổ sung thu nhập: 121.872.688 đồng.
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại đơn vị: **2.225.187.675 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm hai lăm triệu, một trăm tám bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Bảng 1: Giá trị đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: đồng

TT	Chỉ tiêu	Số liệu sổ kế toán	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)
A	TÀI SẢN ĐANG DÙNG	1.757.795.899	3.606.961.117	1.849.165.218
I	Tài sản dài hạn	62.938.942	1.912.104.160	1.849.165.218
1	Tài sản cố định	62.938.942	1.912.104.160	1.849.165.218
a	Tài sản cố định hữu hình	62.938.942	1.912.104.160	1.849.165.218
-	Nhà, vật kiến trúc	59.375.000	1.668.336.360	1.608.961.360
-	Máy móc thiết bị	-	155.956.000	155.956.000
-	Thiết bị dụng cụ quản lý	3.563.942	87.811.800	84.247.858
II	Tài sản ngắn hạn	1.694.856.957	1.694.856.957	-
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.020.877.215	1.020.877.215	-
a	Tiền	1.020.877.215	1.020.877.215	-

<i>b</i>	<i>Các khoản tương đương tiền</i>	-	-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	627.460.611	627.460.611	-
4	Hàng tồn kho	46.519.131	46.519.131	-
III	Giá trị quyền sử dụng đất	-	-	-
B	Tài sản không tính vào giá trị đơn vị sự nghiệp công lập (Chỉ ghi giá trị còn lại theo sổ sách kế toán)	273.444.000	273.444.000	-
B.1	Tài sản phải bàn giao	273.444.000	273.444.000	-
I	Tài sản cố định vô hình	-	-	-
1	Phần mềm kế toán	-	-	-
2	Đất tại các Cung hạt	-	-	-
II	Tài sản cố định hữu hình	273.444.000	273.444.000	-
1	Nhà cửa vật kiến trúc	273.444.000	273.444.000	-
B.2	Tài sản cố định chờ xử lý	-	-	-
I	Tài sản cố định vô hình	-	-	-

1	Đất tại văn phòng công ty	-	-	-
B.3	Tài sản cố định chờ thanh lý	-	-	-
1	Tài sản cố định hữu hình	-	-	-
2	Máy móc thiết bị	-	-	-
3	Phương tiện vận tải	-	-	-
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	-	-	-
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP (A+B). Trong đó:	2.031.239.899	3.880.405.117	1.849.165.218
C	Nợ phải trả	2.031.239.899	2.031.239.899	-
C1	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	336.384.698	336.384.698	-
C2	Nợ phải trả thực tế	1.456.563.012	1.456.563.012	-
C3	Quỹ khen thưởng	40.085.482	40.085.482	-
C4	Quỹ phúc lợi	36.696.260	36.696.260	-
C5	Quỹ bổ sung thu nhập	121.872.688	121.872.688	-
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP	376.022.457	2.225.187.675	1.849.165.218

CÔNG LẬP [A - C2 - C3 - C4 - C5]			
----------------------------------	--	--	--

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị để chuyển đổi thành CTCP)

6. Tài sản chủ yếu của Đơn vị:

6.1 Tình hình đất đai:

Tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập ngày 31/12/2023, Đoàn Quản lý đường bộ II đang quản lý và sử dụng các khu đất theo thông tin sau:

Bảng 2: Hiện trạng quản lý, sử dụng đất của Đơn vị tại thời điểm 31/12/2023

TT	Địa chỉ các cơ sở nhà, đất	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Mục đích sử dụng
1	Đất tại Khu Lục Cả, xã Kim Bình, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	4.968	Thuê đất của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm	Giấy chứng nhận Quyền quản lý, sử dụng nhà đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 289452-7 (tờ số 9) ngày 18/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp cho Đoàn quản lý Đường bộ II Hòa Bình	Trụ sở cơ quan, văn phòng
2	Hạt giao thông 2, xóm Khót, xã Sơn Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	1.922,4	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02663 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
3	Hạt giao thông 3, xóm Trò, xã Hợp Kim, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	3.049	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02665 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
4	Hạt Kim Bôi 1, xóm Sào, xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi,	4.188,9	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02666 ngày	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự

	tỉnh Hòa Bình			18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	nghiep
5	Hạt giao thông 4, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	3.333,6	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02667 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
6	Hạt giao thông 1, xóm Khăm, xã Bình Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	622,9	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02668 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
7	Cung giao thông Chám, xóm Chám, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	724	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02669 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
8	Cung giao thông Đồng Hòa, xóm Đồng Hòa, xã Mỹ Hòa, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	550,4	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02670 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
9	Cung giao thông Nam Thượng, xóm Nam Thượng, xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	1.027,5	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02671 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
10	Đội Công trình, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	179,8	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02672 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
11	Đội Công trình, xóm Đoàn Kết, xã Vĩnh Đồng, huyện	4.312,7	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	Đất phục vụ hoạt động

	Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình			số CT02672 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	đơn vị sự nghiệp
12	Cung giao thông Ranh, xóm Đồng Ngoài, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	2.950,1	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02673 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
13	Cung giao thông Nuông Dăm, xóm Mỹ Tây, xã Nuông Dăm, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	2.000	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02674 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
14	Cung Đồi Cà, xã Đồi Cà, xã Mỹ Thành, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	1.932,6	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02675 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
15	Cung giao thông Thá, xóm Thá, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình	2.670	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02676 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
16	Cung Sỏi, thôn Tân Thanh, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	2.822,3	Giao đất	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02955 ngày 06/06/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
17	Cung Cắt, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	1.572,7	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 91/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp

18	Hạt giao thông Lạc Thủy, thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	1.060,5	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 83/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
19	Trạm bến phà, thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	149,1	Giao đất	Chưa có giấy tờ pháp lý về đất	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
20	Cung 59, xã Yên Bồng, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	1.697,8	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 85/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
21	Cung An Bình, xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	1.034,7	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 86/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
22	Cung Tứ Điền, thôn Yên Lịch, xã Long Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	7.862,5	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 73/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
23	Hạt Kim Bôi 2, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	1.212,7	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 79/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
24	Cung Chí, xã Hợp Thanh, huyện Lương Sơn, tỉnh	1.456,8	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp

	Hòa Bình			80/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	nghiệp
25	Cung Tân Thành, thôn Suối Sỏi, xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	598,3	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 81/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
26	Trạm Vé, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	292,4	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 89/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
27	Cung giao thông Vé, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	2.165,8	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 88/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp
28	Cung Bái Yên, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	5.696,3	Giao đất	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 87/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Đất phục vụ hoạt động đơn vị sự nghiệp

(Nguồn: Đoạn Quản lý đường bộ II)

Căn cứ Quyết định số 69/UBND-NNTN ngày 26/01/2016 của UBND tỉnh Hòa Bình và Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 19/10/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt bổ sung phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản là các cơ sở nhà, đất thuộc Sở Giao thông vận tải Hòa Bình quản lý, sử dụng; về việc phê duyệt phương án sử dụng đất của Đoạn Quản lý đường bộ II. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Đơn vị sẽ tiếp tục quản lý, sử dụng 01 cơ sở đất theo hiện trạng đang quản lý sử dụng đất với tổng diện tích là 4.968m² (Mục đích sử dụng đất: Đất thương mại, dịch vụ), đồng thời trả

lại cho địa phương quản lý do không còn nhu cầu sử dụng tại 27 cơ sở đất với tổng diện tích là 57.085,80 m². Cụ thể như sau;

Bảng 3: Diện tích đất giữ lại sử dụng sau khi chuyển đổi thành CTCP

TT	Địa chỉ khu đất	Diện tích (m ²)	Nguồn gốc sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất	Mục đích sử dụng
1	Đất tại xóm Lục Cả, xã Kim Bình, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	4.968m ²	Nhà nước cho thuê đất, trả tiền hàng năm	Giấy chứng nhận Quyền quản lý, sử dụng nhà đất tại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 289452-7 (tờ số 9) ngày 18/02/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp cho Đoàn quản lý Đường bộ II Hòa Bình	Thuê đất của Nhà nước trả tiền thuê đất hàng năm	Đất thương mại dịch vụ (tiếp tục làm trụ sở cơ quan, văn phòng)
Tổng Cộng		4.968m²				

(Nguồn Đoàn Quản lý đường bộ II)

Bảng 4: Diện tích đất trả lại địa phương

TT	Địa chỉ nhà, đất	Diện tích (m ²)	Hồ sơ pháp lý, nguồn gốc nhà đất	Hiện trạng sử dụng đất
1	Hạt giao thông 2, xóm Khót, xã Sơn Thủy, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	1.922,4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02663 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
2	Hạt giao thông 3, xóm Trò, xã Hợp Kim, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	3.049	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02665 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
3	Hạt Kim Bôi 1, xóm Sào, xã Hạ Bì, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	4.188,9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02666 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân	Giao đất

			dân tỉnh Hòa Bình cấp	
4	Hạt giao thông 4, xã Cuối Hạ, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	3.333,6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02667 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
5	Hạt giao thông 1, xóm Khăm, xã Bình Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	622,9	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02668 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
6	Cung giao thông Chám, xóm Chám, xã Bắc Sơn, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	724	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02669 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
7	Cung giao thông Đồng Hòa, xóm Đồng Hòa, xã Mỹ Hòa, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	550,4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02670 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
8	Cung giao thông Nam Thượng, xóm Nam Thượng, xã Nam Thượng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	1.027,5	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02671 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
9	Đội Công trình, xã Đông Bắc, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	179,8	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02672 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
10	Đội Công trình, xóm Đoàn Kết, xã Vĩnh Đồng, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	4.312,7	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02672 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
11	Cung giao thông Ranh, xóm Đồng Ngoài, xã Vĩnh Tiến, huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình	2.950,1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02673 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
12	Cung giao thông Nuông Dăm, xóm Mỹ Tây, xã Nuông Dăm, huyện Kim	2.000	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02674 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân	Giao đất

	Bôi, tỉnh Hòa Bình		dân tỉnh Hòa Bình cấp	
13	Cung Đồi Cà, xã Đồi Cà, xã Mỹ Thành, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	1.932,6	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02675 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
14	Cung giao thông Thá, xóm Thá, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình	2.670	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02676 ngày 18/02/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
15	Cung Sỏi, thôn Tân Thanh, xã Phú Thành, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	2.822,3	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT02955 ngày 06/06/2014 do Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình cấp	Giao đất
16	Cung Cắt, xã Văn Nghĩa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình	1.572,7	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 91/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
17	Hạt giao thông Lạc Thủy, thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	1.060,5	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 83/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
18	Trạm bến phà, thị trấn Chi Nê, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	149,1	Chưa có giấy tờ pháp lý về đất	Giao đất
19	Cung 59, xã Yên Bồng, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	1.697,8	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 85/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
20	Cung An Bình, xã An Bình, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình	1.034,7	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 86/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất

21	Cung Tứ Diên, thôn Yên Lịch, xã Long Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	7.862,5	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 73/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
22	Hạt Kim Bôi 2, xã Cao Dương, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	1.212,7	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 79/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
23	Cung Chí, xã Hợp Thanh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	1.456,8	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 80/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
24	Cung Tân Thành, thôn Suối Sỏi, xã Tân Thành, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	598,3	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 81/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
25	Trạm Vé, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	292,4	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 89/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
26	Cung giao thông Vé, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	2.165,8	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 88/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
27	Cung Bái Yên, xã Trường Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình	5.696,3	Biên bản xác định giá trị quyền sử dụng đất số 87/BB/STC ngày 17/12/2007 của Sở Tài chính tỉnh Hòa Bình	Giao đất
Tổng		57.085,80		

(Nguồn Đoạn Quản lý đường bộ II)

6.2 Tình hình tài sản của Đơn vị:

Bảng 5: Tình hình tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2023

Đơn vị: Đồng

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
A	TSCĐ ĐANG DÙNG	3.027.557.000	2.964.618.058	6.358.723.485	1.912.104.160
I	Tài sản cố định hữu hình	3.027.557.000	2.964.618.058	6.358.723.485	1.912.104.160
1	Nhà cửa vật kiến trúc	1.870.191.000	1.810.816.000	5.201.357.485	1.668.336.360
2	Máy móc thiết bị	779.780.000	779.780.000	779.780.000	155.956.000
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	377.586.000	374.022.058	377.586.000	87.811.800
B	TÀI SẢN KHÔNG TÍNH VÀO GIÁ TRỊ ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP	4.506.476.000	4.233.032.000	4.506.476.000	273.444.000
I	TÀI SẢN PHẢI BÀN GIAO	12.000.000	12.000.000	12.000.000	-
I.1	Tài sản cố định vô hình	12.000.000	12.000.000	12.000.000	-
1	Phần mềm kế toán	12.000.000	12.000.000	12.000.000	-
I.2	Tài sản cố định hữu hình	2.124.650.000	1.851.206.000	2.124.650.000	273.444.000
1	Nhà cửa vật kiến trúc	2.124.650.000	1.851.206.000	2.124.650.000	273.444.000
II	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHỜ XỬ LÝ	-	-	-	-
III	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHỜ THANH LÝ	2.369.826.000	2.369.826.000	2.369.826.000	-
III.1	Tài sản cố định hữu hình	2.369.826.000	2.369.826.000	2.369.826.000	-
1	Máy móc thiết bị	908.552.000	908.552.000	908.552.000	-

TT	Loại tài sản	Giá trị sổ sách		Giá trị đánh giá lại	
		Nguyên giá	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị còn lại
2	Phương tiện vận tải	1.113.256.000	1.113.256.000	1.113.256.000	-
3	Thiết bị dụng cụ quản lý	348.018.000	348.018.000	348.018.000	-
1	ĐIỀU CHỈNH CHênh LỆCH SO VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH		-		-
	TỔNG CỘNG (A+B+C)	7.534.033.000	7.197.650.058	10.865.199.485	2.185.548.160

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị đơn vị sự nghiệp để chuyển đổi thành CTCP)

7. Tình hình hoạt động kinh doanh và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh qua các năm trước khi chuyển đổi thành CTCP của Đơn vị :

7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh:

a) Doanh thu của đơn vị

Trong 03 năm 2022, 2023, 2024 cán bộ công nhân viên trong toàn Đoàn đã phấn đấu sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn và đạt được những kết quả trong sản xuất kinh doanh:

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Giá trị sản lượng và doanh thu hàng năm không nhiều, nhưng cũng tạo được việc làm thêm cho người lao động, đời sống cán bộ công nhân viên ngày một được ổn định và nâng cao, các công trình thi công đều đảm bảo chất lượng, tiến độ và mỹ thuật tạo được lòng tin cho Chủ đầu tư và khách hàng.

Về mặt tài chính: Đoàn luôn cố gắng đảm bảo được nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, thanh toán kịp thời và đầy đủ chế độ cho người lao động, cho khách hàng và hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Về chế độ chính sách đối với người lao động: 100% người lao động của Đoàn được trả tiền lương, tiền công tương ứng với năng lực, khối lượng công việc và các chế độ khác theo qui định.

Về công tác đầu tư và quản lý tài sản: Tài sản của Đoàn được đầu tư đúng mục đích phù hợp với các hạng mục công trình thi công. Tài sản được giao cho thợ vận hành được đào tạo chính qui và có chế độ thưởng phạt nghiêm minh. Mỗi loại thiết bị đều được mở một lý lịch riêng để quản lý, sửa chữa bảo dưỡng đúng định kỳ quy định. Không sử dụng thiết bị tùy tiện, do đó nhiều tài sản đã hết khấu hao vẫn vận hành được.

Đơn vị đã thi công nhiều công trình sửa chữa nền mặt đường trên tuyến đường được giao quản lý được Chủ đầu tư đánh giá cao.

Bảng 6: Cơ cấu doanh thu giai đoạn 2022-2024

TT	Doanh thu	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024	
		<i>Giá trị (Tr. đồng)</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>	<i>Giá trị (Tr. đồng)</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>	<i>Giá trị (Tr. đồng)</i>	<i>Tỷ trọng (%)</i>
1	Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.689	100	8.594	100	7.117	100
-	Doanh thu theo đơn đặt hàng Nhà nước	9.215	86	6.447	75	4.925	69
-	Doanh thu HĐSX, cung ứng dịch vụ	1.473	14	2.146	25	2.192	31
2	Doanh thu khác	-		-		-	
	Tổng cộng	10.689	100	8.594	100	7.117	100

(Nguồn: Đoàn Quản lý đường bộ II)

b. Nguyên vật liệu và sự ổn định của nguồn cung cấp

- Các yếu tố đầu vào phục vụ cung cấp dịch vụ:

Đối với hoạt động duy tu sửa chữa thường xuyên, xây dựng và thi công các công trình giao thông, nguyên vật liệu chủ yếu là vật liệu xây dựng. Nguồn cung cấp vật liệu còn nhiều khó khăn, đặc biệt là đá các loại phải vận chuyển xa, ảnh hưởng một phần đến giá thành xây dựng và làm giảm lợi nhuận.

Trong những năm qua, do xu hướng của nền kinh tế đất nước ngày càng chịu ảnh hưởng bởi các biến động của nền kinh tế thế giới, giá cả nguyên vật liệu biến động liên tục, giá điện, xăng dầu, hàng hóa dịch vụ tăng cao. Tuy nhiên các nguồn cung cấp cho Đơn vị đã có mối quan hệ lâu dài và tin cậy, vì vậy sự ổn định của nguồn nguyên liệu là tương đối.

- Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Đơn vị:

TT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm, nguyên liệu cung cấp
1	Công Ty TNHH Thương mại và Xuất nhập	Nhựa đường

	khẩu Quang Thành	
2	Công ty CP Bê tông ASPHALT Phát Đạt	Bê tông nhựa
3	Công ty TNHH Phát Đạt	Xăng dầu
4	Công ty TNHH 234	Đá các loại

(Nguồn: Đoạn Quản lý đường bộ II)

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận:

Nguyên liệu chủ yếu phục vụ cho hoạt động sản xuất của Công ty là nguyên liệu phục vụ trực tiếp trong quá trình thực hiện các hoạt động tu sửa đường bộ của đơn vị. Giá nguyên vật liệu ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí sản xuất. Khi giá các nguyên vật liệu tăng, chi phí sản xuất tăng lên, làm giảm lợi nhuận ròng của đơn vị. Đối với Đoạn quản lý đường bộ II, việc tăng giá nhựa đường, bê tông nhựa và đá có thể làm tăng chi phí xây dựng dự án, ảnh hưởng đến lợi nhuận cuối cùng.

c. Chi phí sản xuất:

Bảng 7: Tỷ trọng chi phí của Đơn vị giai đoạn 2022 – 2024

(Đơn vị: Đồng)

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Chi phí Hoạt động sản xuất kinh doanh	10.601	8.486	7.117
-	Chi phí theo đơn đặt hàng của Nhà nước	9.195	6.444	4.925
-	Chi phí hoạt động SXKD	1.405	2.041	2.126
2	Chi phí khác	-	-	-
Tổng cộng		10.601	8.486	7.117

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022, 2023, 2024 của Đoạn Quản lý đường bộ II)

Trong ba năm 2022-2024 cơ cấu chi phí của đơn vị có sự biến động đáng kể. Chi phí Hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị năm 2024 giảm so với năm 2022 do giá trị đơn đặt hàng của Nhà nước mà đơn vị nhận được trong năm 2024 giảm mạnh.

d. Trình độ công nghệ:

Thiết bị thi công của Đơn vị chủ yếu phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng đường bộ và đảm bảo giao thông, phần lớn thiết bị được trang cấp, điều chuyển nên hiệu quả sử dụng không cao. Khi thực hiện thi công các dự án, Đơn vị phải thuê ngoài một số máy móc thiết bị. Năng lực thi công của Đơn vị còn nhiều hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu hiện tại.

đ. Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới:

Hiện tại, Đơn vị chưa hướng đến việc phát triển sản phẩm, dịch vụ mới mà chỉ chú trọng đến cải tiến các dịch vụ nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh hiện nay.

e. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Nhận biết được tầm quan trọng của chất lượng công trình với hình ảnh và uy tín của một doanh nghiệp, Đơn vị luôn chú trọng tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Nhà nước, Bộ Giao thông Vận tải về công tác quản lý đảm bảo chất lượng công trình. Đơn vị đã xây dựng và ban hành hệ thống quản lý chất lượng nội bộ, đáp ứng được yêu cầu quản lý chất lượng của các dự án xây dựng Đơn vị tham gia thi công.

g. Hoạt động Marketing:

Đơn vị là đơn vị hành chính sự nghiệp, thực hiện các nhiệm vụ do Nhà nước giao, do đó, Đơn vị không có hoạt động marketing quảng bá hình ảnh Đơn vị, hoạt động dịch vụ cung cấp.

h. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Hiện tại, Đoàn Quản lý đường bộ II chưa có nhãn hiệu thương mại được cơ quan chức năng chứng nhận. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, Đơn vị đã được lãnh đạo, các đơn vị trong ngành và các cơ quan ban ngành liên quan tại nhiều địa phương và khách hàng tín nhiệm cao.

i. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

- Hợp Đồng nguyên tắc số 01 ngày 31/12/2021 về việc thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường 12B, đường Trường Sơn A, tuyến C, tuyến X2, tuyến Y và tuyến T thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình (giai đoạn từ 01/01/2022 đến 31/12/2022);
- Hợp đồng số: 04/2023/HĐ-BĐTX ngày 25/5/2023 về việc thực hiện công tác Quản lý, BĐTX các tuyến quốc lộ thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình;
- Hợp đồng số 03/2024/HĐ-BĐTX ngày 29/03/2024 về việc thực hiện công tác Quản lý, BĐTX các tuyến quốc lộ thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình;
- Hợp đồng số: 01/2025/HĐ-BĐTX ngày 31/03/2025 về việc thực hiện công tác Quản lý, BĐTX các tuyến quốc lộ thuộc địa phận tỉnh Hòa Bình.

7.2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi chuyển đổi:

Bảng 8: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2022 – 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng tài sản	Tr.đồng	2.426	2.031	3.673
2	Nợ phải trả	Tr.đồng	2.231	1.792	3.431

-	Phải trả nhà cung cấp	Tr.đồng	806	1.058	1.754
-	Các khoản nhận trước của khách hàng	Tr.đồng	-	-	-
-	Phải trả CNVC	Tr.đồng	-	-	1.105
-	Phải trả nợ vay	Tr.đồng	-	-	115
-	Các khoản phải nộp	Tr.đồng	-	-	34
-	Nộp thuế các loại	Tr.đồng	-	-	193
-	Các khoản nhận trước chưa ghi thu	Tr.đồng	444	336	228
-	Nợ phải trả khác	Tr.đồng	979	398	-
3	Nợ phải thu	Tr.đồng	1.332	627	1.486
-	Phải thu khách hàng	Tr.đồng	1.087	349	
-	Tạm ứng	Tr.đồng	-	-	98
-	Phải thu khác	Tr.đồng	234	278	2,8
-	Phải thu nội bộ	Tr.đồng	-	-	110
-	Chi phí trả trước	Tr.đồng	-	-	289
-	Các khoản chi trước CT lữ bão tuyến X	Tr.đồng	-	-	236
4	Tổng doanh thu	Tr.đồng	10.691	8.594	7.117
5	Tổng chi phí	Tr.đồng	10.601	8.486	7.051
6	Lợi nhuận thực hiện	Tr.đồng	90	108	66
7	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	72	87	53
8	Tổng số lao động	Người	53	41	45
9	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	2.862	2.460	2.665
10	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	Tr.đồng	4.5	5	5

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2022, 2023, 2024 của Đoàn Quản lý đường bộ II)

7.3. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Đơn vị

Trong quá trình hoạt động, Đơn vị cũng chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố tác động đến quá trình sản xuất kinh doanh, cụ thể:

8.1. Thuận lợi

- Đoàn Quản lý đường bộ II luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo thường xuyên và kịp thời của lãnh đạo cấp trên, cùng sự cố gắng của tập thể người lao động, đoàn kết, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Tình hình tư tưởng của người lao động ổn định, tin tưởng và đường lối của Đảng, chấp hành tốt các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước. Với yêu cầu nhiệm vụ được giao, người lao động luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tập thể Đơn vị luôn đoàn kết, thống nhất. Thường xuyên được giáo dục về chính trị tư tưởng, được chăm lo đầy đủ về chế độ chính sách, do đó người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Đơn vị.
- Bộ máy lãnh đạo và cán bộ chủ chốt của Đơn vị có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có năng lực quản lý và nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình đường bộ và công tác quản lý, khai thác duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường bộ; có đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và công nhân kỹ thuật lành nghề.
- Đơn vị đã tạo dựng được uy tín trong công tác duy tu bảo dưỡng đường bộ. Các công trình do Đơn vị thi công đều đảm bảo tiến độ, chất lượng kỹ thuật, tạo được lòng tin với các chủ đầu tư và các đối tác bên ngoài.

8.2. Khó khăn

- Kinh phí đầu tư cho công tác sửa chữa thường xuyên đường bộ thấp, đời sống việc làm, thu nhập của công nhân làm duy tu còn gặp nhiều khó khăn.
- Địa bàn quản lý của Đơn vị trải dài qua các xã vùng sâu, vùng xa của tỉnh nên có khó khăn trong công tác điều hành sản xuất, công tác quản lý và bảo vệ hành lang đường bộ phức tạp vì trình độ dân trí không đồng đều. Phần thanh toán kinh phí của các chủ đầu tư còn chậm, ảnh hưởng lớn đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Đơn vị.
- Mô hình hoạt động của Đơn vị từ trước tới nay là quản lý, khai thác duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng đường bộ, đảm bảo giao thông trên địa bàn được giao. Toàn bộ hoạt động kinh doanh tập trung vào công tác duy tu bảo dưỡng đường bộ; năng lực con người, thiết bị thi công, kinh nghiệm thi công để tham gia các dự án đấu thầu rất hạn chế. Việc đầu tư nâng cao năng lực, xây dựng thương hiệu uy tín trong lĩnh vực xây dựng cơ bản chưa được chú trọng, đây là khó khăn rất lớn cần phải xây dựng trong một thời gian không phải là ngắn.
- Đoàn quản lý đường bộ II hoạt động trong lĩnh vực duy tu, quản lý đường bộ, lĩnh

vực này hiện nay xã hội hoá rất cao, các doanh nghiệp đều có thể tham gia được do đó sự cạnh tranh diễn ra mạnh mẽ. Việc đấu thầu công tác duy tu các tuyến Quốc lộ trong địa bàn tỉnh Hòa Bình, Đơn vị không được tham gia là cản trở rất lớn cho phát triển sản xuất kinh doanh và năng lực thi công của Đơn vị.

8. Vị thế của Đơn vị so với các đơn vị khác trong cùng ngành

- Vị thế của Đơn vị trong ngành;

Đối với công tác quản lý và bảo trì đường bộ hiện nay vẫn là thế mạnh của Đơn vị, có kinh nghiệm hoạt động lâu năm, luôn nhận được sự tin tưởng của UBND tỉnh và người dân tỉnh Phú Thọ. Do vậy, đây là điều kiện thuận lợi của Đơn vị so với doanh nghiệp khác trên địa bàn.

Triển vọng phát triển của ngành:

Nền kinh tế Việt Nam hiện nay đang ngày càng hội nhập sâu rộng, đời sống người dân đang ngày càng được nâng cao. Song song với đó là hệ thống giao thông đường bộ cũng ngày càng được chú trọng đầu tư, nhằm đáp ứng được vai trò là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, bảo đảm quốc phòng, hội nhập quốc tế. Trong những năm qua, vận tải đường bộ đã đóng vai trò chủ lực khi tỷ lệ đảm nhiệm vận tải hành khách chiếm 94,29% tổng khối lượng vận tải hành khách và 77,47% tổng khối lượng vận tải hàng hóa, đặc biệt các vùng có tỷ lệ vận tải hàng hóa bằng đường bộ chiếm tỷ lệ cao như vùng Tây Nguyên, Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ, Trung du và Miền núi phía Bắc.

Mới đây, Cục Đường bộ Việt Nam trình Bộ Giao thông vận tải kế hoạch bảo trì với kinh phí 11.829 tỷ đồng, cao hơn mức gần 10.500 tỷ đồng được giao vấn đề bảo trì đường bộ đang là vấn đề cần thiết của Nhà nước đối nền kinh tế, quốc phòng cũng như tạo điều kiện cần thiết để thu hút nhà đầu tư nước ngoài tham gia thúc đẩy nền kinh tế nước nhà. Tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, mạng lưới đường bộ cao tốc được quy hoạch 41 tuyến, tổng chiều dài khoảng 9.014 km đến năm 2050, trong đó, đến năm 2030 phấn đấu xây dựng hoàn thành khoảng 5.000 km đường bộ cao tốc.

Hiện nay, hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh đã có sự phát triển vượt bậc, cơ bản đáp ứng hạ tầng cho phát triển kinh tế - xã hội, du lịch. Các tuyến đường tỉnh, cùng hàng nghìn tuyến đường xã, đường trục thôn, bản, đường ngõ xóm, đường trục chính nội đồng, đường chuyên dùng, đường đô thị, nội thị. Song song với đó, Sở Xây dựng cũng thường xuyên cập nhật, thống kê hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý và xây dựng kế hoạch bảo trì.

Công tác bảo trì đường bộ không chỉ là công việc của các doanh nghiệp nhà nước được thực hiện theo phương thức đặt hàng, đây là điểm bó buộc là các doanh nghiệp, các đơn vị ngoài nhà nước. Hiện nay việc quản lý bảo trì đường bộ là cơ hội để các doanh nghiệp cổ phần hóa tham gia đấu thầu là các doanh nghiệp đủ điều kiện về thiết bị máy móc cũng như nguồn nhân lực tốt. Do vậy ngành giao thông đường bộ nói chung và quản lý bảo trì đường bộ nói riêng trong tương lai sẽ một ngành không thể thiếu và được chú trọng trong phát triển kinh tế xã hội ở nước ta.

Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Đơn vị với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Đơn vị đạt mục tiêu khắc phục mọi khó khăn, không ngừng củng cố, nâng cấp cơ sở vật chất hiện có phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh hiện nay của thị trường. Đơn vị cũng có định hướng duy trì và phát triển thị phần kinh doanh, nâng cao năng lực hiện có, đồng thời tập trung cải thiện công tác quản trị, đặc biệt chú trọng đầu tư ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý điều hành, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và ý thức phục vụ của đội ngũ lao động.

Như vậy, Đơn vị đã có những nhìn nhận đúng đắn về vị trí, vai trò của mình cũng như là có định hướng phát triển đúng với tiềm năng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước.

9. Phương án đầu tư và chiến lược phát triển của Đơn vị sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần:

a. Một số thông tin chủ yếu về kế hoạch đầu tư và chiến lược phát triển của Đơn vị sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần

Mục tiêu:

- Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Đoàn Quản lý đường bộ II sẽ khắc phục mọi khó khăn, củng cố, nâng cấp các cơ sở vật chất hiện có phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và thị trường;
- Duy trì ổn định, từng bước phát triển để phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty cổ phần một cách linh hoạt và hiệu quả trong kinh doanh; cơ cấu lại mô hình tổ chức; tiết kiệm nhân lực, phân công rõ trách nhiệm cho từng người; từng bộ phận, mặt khác khuyến khích tính tự chủ, năng động của các bộ phận, cá nhân trong việc đóng góp phát triển chung của Công ty cổ phần;
- Cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập cho người lao động, đảm bảo lợi ích của các cổ đông;
- Hoàn thành tốt nghĩa vụ với đất nước, góp phần phát triển kinh tế - xã hội tỉnh.

Định hướng:

- Duy trì và phát triển thị phần kinh doanh hiện có và nghiên cứu đầu tư phát triển theo quy hoạch chung của tỉnh;
- Đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

b. Hệ thống chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của kế hoạch sản xuất kinh doanh trong 3 năm liền kề sau khi chuyển đổi thành CTCP:

Bảng 9: Một số chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau khi chuyển thành CTCP

	Các chỉ tiêu	ĐVT	Các chỉ tiêu kế hoạch		
			Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028
1	Tổng doanh thu	Tr. đồng	8.712	9.147	9.604
2	Tổng chi phí	Tr. đồng	8.489	8.913	9.359
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	222,7	233,8	245

4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	178,2	187	196
5	Tỷ lệ cổ tức dự kiến	%	5%	6%	6%
	<i>Giá trị cổ tức dự kiến</i>	<i>Tr. đồng</i>	150	180	180
6	Tổng số lao động	Người	27	28	30
7	Thu nhập bình quân của người lao động	Tr. đồng/người/ tháng	9,5	10,5	11,5
8	<i>Tổng quỹ lương kế hoạch dự kiến</i>	<i>Tr. đồng</i>	3.078	3.528	4.140
9	Vốn điều lệ	Tr. đồng	3.000	3.000	3.000

(Nguồn: Đoạn Quản lý đường bộ II)

10. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ của đơn vị sau khi chuyển đổi thành Công ty cổ phần:

a. Vốn điều lệ:

Căn cứ Văn bản số 29/TTg-ĐMDN ngày 09/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc danh mục chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần của tỉnh Hoà Bình; Quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp; giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại Đoạn Quản lý đường bộ II thời điểm ngày 31/12/2023.

Giá trị thực tế đơn vị chuyển đổi tại thời điểm ngày 31/12/2023 là: **3.880.405.117 đồng** (Bằng chữ: Ba tỷ, tám trăm tám mươi triệu, bốn trăm linh lăm ngàn, một trăm mười bảy đồng), trong đó:

Nợ thực tế phải trả: 1.456.563.012 đồng.

- Các khoản nhận trước chưa ghi thu: 336.384.698 đồng.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 76.781.742 đồng.

- Quỹ bổ sung thu nhập: 121.872.688 đồng.

- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại đơn vị: **2.225.187.675 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm hai lăm triệu, một trăm tám bảy ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng).

Căn cứ:

- Báo cáo thẩm định giá trị đơn vị sự nghiệp, tổng giá trị phần vốn Nhà nước tại đơn vị đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Đơn vị sau khi chuyển đổi sang Công ty cổ phần;

- Năng lực quản lý sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý Đơn vị;
- Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, đầu tư máy móc, thiết bị của Đơn vị sau khi chuyển đổi;
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác, tổ chức tín dụng liên quan đến việc huy động nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư.
- Căn cứ vào Biên bản họp thảo luận về phương án chuyển đổi đơn vị thành công ty cổ phần ngày 09/05/2025 của các sở ban ngành thuộc ban chỉ đạo chuyển đổi Đoạn quản lý đường bộ II Hòa Bình và văn bản số 144/UBND-KTTH ngày 25/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về phương án cổ phần hóa Đoạn Quản lý Đường bộ II theo đó:

Đoạn Quản lý đường bộ II xây dựng mức vốn điều lệ như sau:

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến: **3.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Ba tỉ đồng*)
- Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng/cổ phần**
- Tổng số cổ phần phổ thông: **300.000 cổ phần**

Bảng 10: Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến sau khi chuyển đổi

TT	Đối tượng	Số cổ phần	Giá trị (đồng) (<i>Tính theo mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phiếu</i>)	Tỷ lệ (%)
1	Vốn Nhà nước	0	0	0%
2	Cổ phần bán cho người lao động trong Đơn vị, bao gồm:	124.700	1.247.000.000	41,57%
2.1	<i>Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước. (giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần))</i>	82.700	827.000.000	27,57%
2.2	<i>Cổ phần bán cho người lao động theo số năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần. (giá bán được phê duyệt trong phương án cổ phần hóa)</i>	42.200	420.000.000	14,00%
3	Cổ phần tổ chức Công đoàn	0	0	0
4	Cổ phần bán đấu giá công khai cho các nhà đầu tư khác	175.300	1.753.000.000	58,43%

Tổng cộng	300.000	3.000.000.000	100%
------------------	----------------	----------------------	-------------

(Nguồn: Đoạn Quản lý đường bộ II)

b. Phương án tăng giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành công ty cổ phần:

Không có

11. Rủi ro dự kiến:

a. Rủi ro về kinh tế:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng những rủi ro nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản trong nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái. Đoạn Quản lý đường bộ II là một chủ thể tham gia vào nền kinh tế nên cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ sự thay đổi của những nhân tố đó.

b. Rủi ro về luật pháp:

Đoạn Quản lý đường bộ II đang trong quá trình thực hiện chuyển đổi từ Đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần, do đó hoạt động của Đơn vị chịu sự điều chỉnh của các văn bản liên quan trong quá trình chuyển đổi. Sau khi chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Luật chuyên ngành khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hệ thống luật pháp Việt Nam hiện đang trong quá trình hoàn thiện, việc vận dụng các quy định của luật pháp vào thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn, không kịp thời và thiếu nhất quán. Theo dự kiến, các sắc luật này sẽ tiếp tục được điều chỉnh để phù hợp, chặt chẽ hơn trong thời gian tới, do đó cũng ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Đơn vị. Đơn vị hoàn toàn có thể hạn chế rủi ro pháp luật bằng chính sự hiểu biết về pháp luật hoặc thông qua sự tham vấn chuyên nghiệp của các đơn vị tư vấn Luật.

Tuy nhiên, có thể thấy được mặt tích cực từ những thay đổi này đó là tạo ra hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học, phù hợp với hệ thống pháp luật và thông lệ quốc tế, tạo điều kiện thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài cũng như giúp cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước tiến hành thuận lợi hơn.

c. Rủi ro đặc thù:

Công tác bảo trì đường bộ là việc làm thường xuyên, tạo nguồn thu chính, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Đơn vị. Tính chất các công việc thường nhỏ lẻ, nằm rải rác và đột xuất trên tất cả các tuyến đường trong tỉnh do Đơn vị quản lý nên việc sử dụng máy móc thiết bị là hàng ngày, thậm chí là cả đêm khi có sự cố mất an toàn giao thông, tắc đường hay tai nạn giao thông làm hư hại công trình giao thông. Chất lượng công trình thi công ảnh hưởng nhiều bởi chất lượng máy móc thiết bị và kiến thức, kinh nghiệm của người lao động.

d. Rủi ro của đợt chào bán:

Nhà nước chủ trương rút vốn ở các doanh nghiệp có vốn nhà nước nắm giữ trong

thời gian này, điều đó rõ ràng đã tạo ra sự cạnh tranh giữa các công ty khi số lượng nhà đầu tư phải chia cho một số lượng công ty thoái vốn lớn trên thị trường. Bên cạnh đó, do hoạt động trong lĩnh vực công ích nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Đơn vị còn chưa nhiều.

e. Rủi ro khác:

Ngoài những rủi ro nêu trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo trên quy mô lớn. Những rủi ro này có thể ảnh hưởng và gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Đơn vị.

12. Phương thức bán và thanh toán tiền mua cổ phần:

a. Phương thức bán

- Đối với người lao động:

• Bán ưu đãi cổ phần cho người lao động theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước

Căn cứ điểm a, b Khoản 1 Điều 37 Nghị định 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần

1. Chính sách bán cổ phần cho người lao động tại đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

a) Đối tượng mua cổ phần với giá ưu đãi bao gồm: Viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi;

b) Các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực nhà nước (bao gồm toàn bộ thời gian đã làm việc tại các đơn vị/tổ chức thuộc khu vực nhà nước) với giá bán bằng 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần);

c)

d) Số cổ phần bán với giá ưu đãi theo quy định tại khoản này, người lao động phải nắm giữ và không được chuyển nhượng trong vòng 03 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi;

Dựa trên cơ sở đó, Đơn vị xây dựng phương án mua cổ phần đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động trong đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo thời gian làm việc tại khu vực Nhà nước như sau:

- Tổng số người lao động tại thời điểm xác : 41 người
định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập
- Tổng số người lao động đăng ký mua cổ : 41 người
phần
- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký : 82.700 cổ phần – tương đương giá
mua theo thời gian thực tế làm việc trong trị 827.000.000 đồng tính theo
khu vực Nhà nước mệnh giá chiếm 27,57% vốn điều
lệ Công ty cổ phần

- Giá bán 60% giá trị 01 cổ phần tính theo mệnh giá (10.000 đồng/cổ phần), tương ứng 6.000 đồng/cổ phần
- Hạn chế chuyển nhượng Không được chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ thời điểm nộp tiền mua cổ phần ưu đãi.
- Thời gian thực hiện : Sau khi phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp được phê duyệt

• **Bán cổ phần ưu đãi cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần.**

Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 37 Nghị định 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần

“2. Viên chức, người lao động làm việc theo hợp đồng lao động của đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm xác định giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi, thuộc đối tượng đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho công ty cổ phần trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần theo quy định sau:

a) Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao được mua thêm theo mức 800 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 8.000 cổ phần cho một người lao động. Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao, thông qua tại Hội nghị người lao động của đơn vị sự nghiệp công lập trước khi chuyển đổi thành công ty cổ phần và trình cơ quan phê duyệt phương án chuyển đổi quyết định.

b) Giá bán cổ phần cho người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản này là giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này phê duyệt trong phương án cổ phần hóa;

c) Mỗi một người lao động chỉ được hưởng quyền mua thêm cổ phần theo một mức xác định tại điểm a khoản này;

d) Số cổ phần người lao động được mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được xác định theo thời gian cam kết tiếp tục làm việc tối đa đến đủ tuổi nghỉ hưu đối với lao động trong điều kiện lao động bình thường theo quy định tại Bộ luật Lao động hiện hành;

đ) Số cổ phiếu người lao động mua thêm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông sau khi kết thúc thời gian cam kết...”

Đơn vị đã tổ chức Hội nghị người lao động, cán bộ, công chức, viên chức để phổ

biến tới người lao động chính sách mua cổ phần cho người lao động. Phương án mua thêm cổ phần đối với người lao động thuộc đối tượng Đơn vị cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần.

Tình hình đăng ký mua thêm cổ phần theo thời gian cam kết làm việc tại công ty cổ phần của người lao động như sau:

Số người lao động chuyển sang làm việc : 27 người
tại Công ty cổ phần

Số người lao động đăng ký mua cổ phần : 21 người
theo thời gian cam kết làm việc tại
CTCP

- Tổng số cổ phần người lao động đăng ký mua thêm theo số năm cam kết : **42.000 cổ phần** – tương đương giá trị 420.000.000 đồng tính theo mệnh giá, chiếm 14,00% vốn điều lệ Công ty cổ phần

Giá bán : Giá khởi điểm được cơ quan có thẩm quyền quy định phê duyệt trong phương án chuyển đổi;

Hạn chế chuyển nhượng : Không được chuyển nhượng trong thời gian cam kết

Thời gian dự kiến : Sau khi phương án chuyển đổi được phê duyệt

Danh sách chi tiết về số lao động, số năm cam kết và số cổ phần được mua thêm theo năm cam kết làm việc tại công ty cổ phần được trình bày chi tiết theo Phụ lục kèm Phương án lao động.

Tổng số cổ phần người lao động được mua theo quy định (mua theo thời gian thực tế làm việc trong khu vực Nhà nước và mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần) là: 124.700 cổ phần, tương đương 1.247.000.000 đồng tính theo mệnh giá – chiếm 41,57% vốn điều lệ của Công ty cổ phần.

- **Đối với tổ chức công đoàn:** 0 Cổ phần
- **Đối với nhà đầu tư chiến lược:** 0 cổ phần
- **Đối với nhà đầu tư tham dự đấu giá:**

Căn cứ Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 28/06/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc phê duyệt Phương án chuyển đổi Đoạn Quản lý đường bộ II thành Công ty cổ phần.

- Tổng số cổ phần bán đấu : 175.300 cổ phần, tương đương 1.753.000.000 đồng, giá chiếm 58,43% Vốn điều lệ Công ty cổ phần
- Đơn vị tư vấn và tổ chức : Công ty cổ phần Chứng khoán UP (Tầng 08 tòa nhà bán đấu giá cổ phần Hapro, Số 11B Cát Linh, P. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Q. Đống Đa, Hà Nội)
- Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Phương thức đấu giá : Bán đấu giá công khai thông qua tổ chức tài chính trung gian

- Thời gian bán đấu giá : Sau khi được UBND tỉnh phê duyệt phương án chuyển đổi, Đơn vị sẽ triển khai hoàn thiện bản công bố thông tin đợt chào bán và tiến hành bán cổ phần ra bên ngoài. Các trình tự, thủ tục liên quan đến đợt bán đấu giá được quy định trong Quy chế bán đấu giá cổ phần.
- Đối tượng tham gia đấu giá : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước theo quy định tại Điều 6 Nghị định 150/2020/NĐ-CP
- Hình thức đặt cọc : Tại thời điểm nộp đơn đăng ký, nhà đầu tư phải nộp tiền đặt cọc là 10% trên tổng giá trị đăng ký mua tính theo giá khởi điểm vào tài khoản của tổ chức tài chính trung gian.

Xử lý cổ phần không bán hết và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần theo quy định tại điều 32 Nghị định 150/2020/NĐ-CP:

“Điều 32. Xử lý số lượng cổ phần không bán hết và điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần

1. Căn cứ phương án chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi. Số lượng cổ phần người lao động và tổ chức công đoàn từ chối mua theo phương án chuyển đổi, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển đổi quy định tại Điều 39 Nghị định này bổ sung vào số lượng cổ phần bán đấu giá công khai ra công chúng.

2. Căn cứ kết quả bán đấu giá cổ phần, Ban Chỉ đạo báo cáo cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 39 Nghị định này điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ đảm bảo nguyên tắc:

- Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo hình thức bán một phần vốn nhà nước kết hợp phát hành thêm cổ phiếu mà cổ phiếu phát hành ra không được bán hết thì xác định số cổ phần bán được là số cổ phần phát hành thêm theo phương án chuyển đổi được phê duyệt. Trường hợp tổng số cổ phần bán được theo các hình thức quy định (bao gồm cả số cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược) lớn hơn số cổ phần phát hành thêm theo phương án chuyển đổi thì phần chênh lệch tăng được xác định là cổ phần bán phần vốn nhà nước;

- Số cổ phần bán ưu đãi cho người lao động được xác định là số cổ phần bán phần vốn nhà nước.

3. Trường hợp không có nhà đầu tư nào đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện bán cổ phần cho người lao động và tổ chức công đoàn trong đơn vị sự nghiệp theo phương án chuyển đổi đã duyệt, đồng thời thực hiện các thủ tục để chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần, số lượng cổ phần chưa bán hết là căn cứ thực hiện điều chỉnh lại vốn điều lệ, cơ cấu vốn điều lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký mua cổ phần, Ban Chỉ đạo thực hiện thỏa thuận bán cổ phần cho nhà đầu tư đã đăng ký mua cổ phần với giá bán không thấp hơn giá khởi điểm với khối lượng đã đăng ký mua hợp lệ. Nếu nhà đầu tư không mua, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp sau khi bán đấu giá công khai tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai đều từ chối mua, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này.

6. Trường hợp đã bán được một phần số cổ phần chào bán trong cuộc đấu giá công

khai, số lượng cổ phần còn lại chưa bán được trong cuộc đấu giá công khai (bao gồm cả số lượng cổ phần các nhà đầu tư đã trúng giá nhưng từ chối mua) được thực hiện theo trình tự sau:

a) Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã tham gia đấu giá hợp lệ (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai) để bán thỏa thuận cho các nhà đầu tư này theo đúng khối lượng đã đăng ký và mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán;

b) Nếu không bán hết cổ phần cho các nhà đầu tư sau khi đã thỏa thuận, Ban Chỉ đạo tiếp tục thông báo đến các nhà đầu tư đã trúng đấu giá trong cuộc đấu giá công khai (không bao gồm các nhà đầu tư đã trúng đấu giá nhưng từ chối mua) để thỏa thuận bán cho các nhà đầu tư này với giá bán là mức giá đã đặt mua tại phiên đấu giá của từng nhà đầu tư theo nguyên tắc lựa chọn giá thỏa thuận từ mức giá đã trả cao nhất xuống mức thấp của cuộc đấu giá đã công bố trở xuống cho đủ số lượng cổ phần còn phải bán;

c) Trường hợp số lượng cổ phiếu không bán hết theo quy định tại điểm a và b khoản này, đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều này."

b. Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán:

Đối với Nhà đầu tư trúng đấu giá (IPO): Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài của Đoàn Quản lý đường bộ II.

13. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ thu được từ việc bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Đơn vị dự kiến kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ việc chuyển đổi đơn vị thành công ty cổ phần, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần và giá bán thỏa thuận, giá đấu thành công dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

Bảng 11: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Chỉ tiêu	Chú giải	Cổ phần	Giá bán	Giá trị (đồng)
Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Đơn vị sự nghiệp công lập	(1)			2.225.187.675
Vốn điều lệ Công ty cổ phần	(2)	300.000	10.000	3.000.000.000
Vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần	(3)	0	0	0
Giá trị phần vốn Nhà nước bán bớt tính theo mệnh giá	(4)	300.000	10.000	3.000.000.000
Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá	(5)	77.500	10.000	775.000.000
Số tiền thu được từ việc chuyển đổi đơn vị thành CTCP	(6)=(7)+(11)	300.000		2.669.200.000
Bán cho người lao động	(7)=(8.1)+(8.2)	124.700		916.200.000
- Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước	(8.1)	82.700	6.000	496.200.000
- Mua theo thời gian cam kết làm việc tại Công ty cổ phần	(8.2)	42.000	10.000	420.000.000

(giá trị dự kiến 10.000 đồng/cổ phần)				
Bán cho công đoàn	(9)	0	0	0
Bán cho đối tác chiến lược	(10)	0	0	0
Bán đấu giá lần đầu dự kiến	(11)	175.300	10.000	1.753.000.000
Số tiền để lại Công ty	(12)	0		0
Thặng dư vốn cổ phần	(13)	0		0
Số tiền chênh lệch giữa giá trị thực tế vốn nhà nước và giá trị vốn nhà nước làm tròn	(14)	0	0	0
Chi phí chuyển đổi đơn vị thành công ty cổ phần	(15)			347.000.000
Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư (Nguồn chi trả theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 8 Nghị định 97/2022/NĐ-CP)	(16)			1.666.947.150
Nguồn xử lý chi phí chuyển đổi	(17)=(18)			2.669.200.000
- Từ tiền bán cổ phần	(18)=(11)+(7)			2.669.200.000
- Từ thặng dư				0
- Từ quỹ hỗ trợ sắp xếp DN				0
Số tiền dự kiến nộp về ngân sách nhà nước	(19)			655.252.850

(Nguồn: Đoạn Quản lý đường bộ II)

14. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung các thông tin về đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi:

Đoạn Quản lý đường bộ II

Ông: **Lê Thành Trung** - Phó Giám đốc Đoạn Quản lý đường bộ II

(Theo Giấy ủy quyền số 4609/GUQ/BCĐCĐII ngày 30/06/2025 của Ban chỉ đạo chuyển đổi Đoạn quản lý đường bộ II về việc đề nghị phê duyệt phương án chuyển đổi Đoạn quản lý đường bộ II thuộc Sở xây dựng thành Công ty cổ phần)

Chúng tôi chịu trách nhiệm về việc đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Công bố thông tin này là hoàn toàn trung thực, phù hợp với thực tế, đầy đủ theo quy định của pháp luật về chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành Công ty cổ phần để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, hoạt động, tình hình tài chính và kết quả, triển vọng phát triển của Đoạn Quản lý đường bộ II.

Bản Công bố thông tin này chỉ có tính chất tham khảo, nhà đầu tư nên tham khảo thêm các tài liệu có liên quan khác trước khi quyết định đăng ký tham gia mua cổ phần./.

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHUYỂN ĐỔI
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lê Thành Trung

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Hoàng Văn Bộ

Số: **4609** GUQ/BCĐCĐII

Hòa Bình, ngày 30 tháng 6 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

**Về việc đề nghị phê duyệt phương án chuyển Đoạn quản lý đường bộ II
thuộc Sở Xây dựng thành Công ty cổ phần**

Kính gửi: Đoạn Quản lý Đường bộ II tỉnh Hoà Bình

Căn cứ Quyết định số 1887/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt phương án chuyển Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Xây dựng thành công ty cổ phần.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi Đoạn Quản lý đường bộ II thuộc Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình ủy quyền cho Đoạn Quản lý Đường bộ II thực hiện một số nội dung sau:

Nội dung ủy quyền.

1. Ủy quyền cho Ông Lê Thành Trung – Phó Giám đốc Đoạn Quản lý Đường bộ II:

- Thực hiện các thủ tục và triển khai việc bán cổ phần của Đoạn Quản lý Đường bộ II theo Phương án chuyển đổi Đoạn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Xây dựng thành công ty cổ phần đã được phê duyệt và đảm bảo các quy định hiện hành của pháp luật. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về quy trình, thủ tục bán cổ phần theo quy định.

- Phối hợp, làm việc với Tổ chức tư vấn về hồ sơ đấu giá cổ phần (Quy chế bán đấu giá, bản công bố thông tin, tài liệu khác của hồ sơ bán cổ phần).

- Ký ban hành bản công bố thông tin và tài liệu khác liên quan đến việc tổ chức bán đấu giá đúng quy định của pháp luật hiện hành và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

- Tham gia Hội đồng bán đấu giá cổ phần, đảm nhiệm chức danh chủ tịch Hội đồng bán đấu giá cổ phần, chỉ đạo và giám sát công tác triển khai bán cổ phần theo quy định của pháp luật, ký Biên bản xác định kết quả bán đấu giá cổ phần và các tài liệu khác liên quan đến việc chào bán cổ phần.

- Chỉ đạo và giám sát công tác bán cổ phần cho các đối tượng khác theo phương án chuyển đổi được phê duyệt.

- Thực hiện quyết toán chi phí cổ phần hóa, kinh phí trợ cấp lao động dôi dư báo cáo Ban Chỉ đạo trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Quá trình tổ chức thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc kịp thời báo cáo Ban chỉ đạo chuyển đổi xem xét, giải quyết.

2. Thời hạn ủy quyền: Kể từ ngày ký cho đến khi hoàn thành việc chào bán cổ phần của Đoàn Quản lý Đường bộ II theo Phương án chuyển đổi Đoàn Quản lý Đường bộ II thuộc Sở Xây dựng thành công ty cổ phần được UBND tỉnh phê duyệt.

Ban Chỉ đạo chuyển đổi Đoàn Quản lý đường bộ II thuộc Sở Xây dựng tỉnh Hòa Bình đề nghị Đoàn Quản lý Đường bộ II khẩn trương thực hiện các nội dung trên đảm bảo tiến độ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các TV BCD-CPH;
- Đoàn QL đường bộ II;
- GD, PGD phụ trách;
- Lưu VT, ĐKKD (Đ).

**TRƯỞNG BAN
PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH**



Vũ Đức Dũng